

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau:

(1) Đất nước tôi thon thả giọt đàn bầu
Nghe dịu nỗi đau của mẹ
Ba lần tiễn con đi, hai lần khóc thầm lặng lẽ
Các anh không về, mình mẹ lặng im.
Đất nước tôi
Tì thuở còn nằm nôi
Sáng chắn bão giông, chiều ngăn nắng lửa
Lao xao trưa hè một giọng ca dao.

(2) Xin hát về Người, đất nước ơi!
Xin hát về Mẹ, Tổ quốc ơi!
Suốt đời lam lũ
Thương lũy tre làng bãi dâu, bến nước
Yêu trọn tình đời, muối mặn gừng cay.

(Trích *Đất nước*, Tạ Hữu Yên, *Tuyển tập Tạ Hữu Yên*, NXB Hội Nhà Văn Hà Nội, 2006)

Chú thích

- Tác giả *Tạ Hữu Yên* (1927-2013), quê: xã An Ninh, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Ông là nhà thơ, nhà văn Việt Nam, được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật vào năm 2017.

- Bài thơ “*Đất nước*” sáng tác vào năm 1984, sau một lần nhà thơ thăm trại an dưỡng những bà mẹ có con là liệt sĩ ở Thái Bình. Tác phẩm được nhạc sĩ *Phạm Minh Tuấn* phổ nhạc, trở thành bài hát nổi tiếng.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định thể thơ của ngữ liệu trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Tìm những hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của đất nước trong khổ thơ (1).

Câu 3 (1,0 điểm). Phân tích tác dụng của biện pháp điệp ngữ trong đoạn thơ sau:

“Xin hát về Người, đất nước ơi!
Xin hát về Mẹ, Tổ quốc ơi!
Suốt đời lam lũ...”

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu ngắn gọn cảm nhận của em về hình ảnh người mẹ trong khổ (1).

Câu 5 (1,0 điểm). Từ nội dung ngữ liệu trên, hãy chỉ ra thông điệp có ý nghĩa nhất với em và lí giải.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của em về hình ảnh đất nước trong ngữ liệu phần Đọc - hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Để thích ứng với những thay đổi của xã hội hiện đại, mỗi người cần nỗ lực không ngừng. Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ những người trẻ có thói quen chậm trễ, trì hoãn trong công việc, học tập...

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của em về vấn đề trên và đề xuất cách giải quyết.

----- **Hết** -----

Họ và tên học sinh: SBD:

Chữ kí giám thị 1: Chữ kí giám thị 2:

Câu	Nội dung	Điểm
	I. PHẦN ĐỌC - HIỂU: (4.0 điểm)	
1	Thể thơ: Tự do.	0.5
2	Những hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của đất nước trong khổ (1): - Thon thả giọt đàn bầu - Sáng chấn bão giông - Chiều ngẩn nằng lửa - Lao xao trưa hè một giọng ca dao	0.5
3	- Biện pháp điệp ngữ (điệp cấu trúc): - “Xin hát về Người, đất nước ơi! Xin hát về Mẹ, Tổ quốc ơi!” (hoặc “Xin hát về... ”) - Tác dụng: + Tạo âm hưởng, nhịp điệu tha thiết; tăng giá trị gợi hình gợi cảm cho câu thơ... + Nhấn mạnh, làm nổi bật mong muốn, khát khao được dành tặng những lời ngợi ca đẹp đẽ nhất, tha thiết nhất cho đất nước, Tổ quốc yêu thương... + Qua đó tác giả gửi gắm và khơi gợi tình cảm yêu mến, trân trọng, tự hào, biết ơn...	0.25 0.75
4	Cảm nhận về hình ảnh người mẹ trong khổ 1: - Gắn liền với những mất mát, đau thương... - Yêu nước, giàu đức hi sinh... - Thương con, yêu con... - Mạnh mẽ, kiên cường, âm thầm vượt qua mọi nỗi đau...	1.0

5	- HS nêu một thông điệp có ý nghĩa nhất đối với mình và lí giải hợp lí. VD: + Biết ơn tới những người Mẹ Việt Nam anh hùng, những chiến sĩ đã ngã xuống vì độc lập tự do của Tổ quốc. + Yêu thương, trân trọng, tự hào về quê hương, đất nước. +... Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được thông điệp hợp lí: 0,5 điểm - Học sinh lí giải thuyết phục: 0,5 điểm	0,5
		0,5
Câu	Nội dung	Điểm
Phần II. VIẾT (6,0 điểm)		
1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận về hình ảnh đất nước trong ngữ liệu phân đọc hiểu.	2,0
	* Yêu cầu về kĩ năng - Đảm bảo yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn - Xác định đúng vấn đề cần nghị luận - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	* Yêu cầu về nội dung Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách khác nhau, có thể triển khai theo hướng sau: 1. Mở đoạn: giới thiệu được bài thơ, tác giả, vấn đề nghị luận. 2. Thân đoạn: - Vẻ đẹp duyên dáng, mộc mạc, mang chiều sâu văn hóa: + Hình ảnh “đất nước tôi thon thả giọt đàn bầu” không chỉ là giọt âm thanh mà còn là giọt tâm hồn, giọt cảm xúc của dân tộc. + Câu thơ “lao xao trưa hè một giọng ca dao” gợi nét yên bình, giản dị... - Vẻ đẹp của sự kiên cường, bền bỉ dù gánh chịu nhiều nỗi đau: + Câu thơ “ba lần tiễn con đi, hai lần khóc thầm lặng lẽ” gợi hình ảnh người mẹ âm thầm vượt qua nỗi đau, khi những đứa con không bao giờ trở về. + “Sáng chắn bão giông, chiều ngăn nắng lửa” cho thấy sự mạnh mẽ, kiên cường, không chịu khuất phục... - Đất nước của những táo tợn, lam lũ, vất vả, đắng cay; ân nghĩa thủy chung... - Nghệ thuật: Thể thơ tự do; hình ảnh thơ giản dị; giọng thơ thiết tha, lắng đọng; biện pháp tu từ giàu sức gợi... 3. Kết đoạn: đánh giá vấn đề nghị luận, rút ra thông điệp...	0.25 1.25
		0.25
	Đề thích ứng với những thay đổi của xã hội hiện đại, mỗi người cần nỗ lực không ngừng. Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ những người trẻ có thói quen chậm trễ, trì hoãn trong công việc, học tập... Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của em về vấn đề trên và đề xuất cách giải quyết.	4.0

2	* Yêu cầu về kĩ năng: - Đảm bảo cấu trúc và dung lượng của một bài nghị luận xã hội. - Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt. - Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề... - Trình bày được ý kiến bàn luận về vấn đề với hệ thống luận điểm chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, bằng chứng tiêu biểu và xác thực.	0.5
Câu	Nội dung	Điểm
	* Yêu cầu về nội dung: Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, hệ thống ý linh hoạt, có thể triển khai theo hướng sau:	3.5
	1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận	0.25
	2. Thân bài:	
	a. Giải thích vấn đề, đưa ra quan điểm: - Trì hoãn: là chần chừ, lè mề, rề rà, chưa muốn bắt tay vào làm ngay một công việc nào đó hoặc có tâm lí chờ và để một thời gian mới làm việc. - Hiện nay, nhiều bạn trẻ có thói quen chần chừ, trì hoãn trong công việc, học tập: đợi “nước đến chân mới nhảy”, gần lúc hết thời gian quy định mới bắt tay vào làm; thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ... - Tình trạng này khá phổ biến, đáng phê phán, cần đưa ra các giải pháp kịp thời để khắc phục...	0.25
	b. Bàn luận * Lí giải căn nguyên, cơ sở nảy sinh vấn đề: - Chưa thực sự tập trung và hết mình với công việc, chưa có ý thức sắp xếp và phân bố thời gian hợp lí, làm việc chậm chạp, lè mề. - Do thói quen lười biếng, ỷ lại trong cuộc sống... - Chủ quan, tự tin thái quá vào khả năng của bản thân. - Thiếu định hướng, giáo dục từ gia đình, nhà trường... - Môi trường học tập, làm việc chưa thật nghiêm túc, hoặc thiếu các hình thức động viên, khích lệ...	0.5
	* Hậu quả: - Không kịp tiến độ, ảnh hưởng tới kết quả của công việc, khó hoàn thành mục tiêu... - Bị thụt lùi, lạc hậu, đánh mất, bỏ lỡ cơ hội, những điều kiện tốt để phát triển và khẳng định giá trị bản thân. - Làm nảy sinh tính bê trễ, thiếu kỉ luật, vô trách nhiệm... - Mất niềm tin và sự tôn trọng từ những người xung quanh... - Trở thành lực cản, làm tụt lùi sự phát triển của xã hội.	0.75

	* Nêu ý kiến trái chiều, phản bác - Ý kiến trái chiều: Có người cho rằng trì hoãn không phải lúc nào cũng xấu. Nó giúp ta có thêm thời gian để suy nghĩ và đưa ra quyết định tốt hơn. - Quan điểm này là hoàn toàn sai lầm, bởi chậm lại để cân nhắc, lựa chọn không đồng nhất với sự bê trễ, lười biếng, ỷ lại...	0.25
	c. Đề xuất giải pháp khả thi - Với cá nhân: + Nhận thức được tác hại của thói quen xấu này từ đó thay đổi thái độ, điều chỉnh hành vi.	1.0
Câu	Nội dung	Điểm
	+ Xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể, khoa học; tuân thủ thực hiện, nỗ lực để vượt qua khó khăn. + Sắp xếp không gian làm việc gọn gàng, ngăn nắp; bố trí thời gian hợp lý. + Biết khích lệ bản thân và đừng sợ thất bại.... - Với gia đình: + Cần quan tâm, lắng nghe và chia sẻ với con cái về những khó khăn + Khuyến khích và động viên con cái hoàn thành nhiệm vụ; uốn nắn khi con có biểu hiện lười biếng, trì hoãn... + Hỗ trợ, nêu gương... - Với nhà trường, xã hội: + Tạo dựng môi trường học tập, làm việc tích cực (kịp thời nhắc nhở; khích lệ, động viên...) + Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng sống, kỹ năng quản lý thời gian... (HS lựa chọn các bằng chứng phù hợp)	
	d. Liên hệ bản thân:	0.25
	3. Kết bài: Liên hệ với bản thân, rút ra bài học hoặc thông điệp có ý nghĩa.	0.25

Lưu ý khi chấm bài:

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh đếm ý cho điểm một cách máy móc, linh hoạt trong việc vận dụng Hướng dẫn chấm.

- Cần khuyến khích những bài làm có tính sáng tạo, nội dung bài viết có thể không trùng với yêu cầu trong đáp án nhưng lập luận thuyết phục, văn phong sáng rõ.

